

CỤC THÚ Y

Số : 358/2004/QĐ/TY - KD

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y
Về chương trình kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y trong chăn nuôi ong, thu gom,
ché biến, bao gói mật ong và các chất tồn dư trong mật ong

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 15 tháng 2 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 19 tháng 8 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 93/CP ngày 27 tháng 2 năm 1993 quy định về thi hành Pháp lệnh Thú y tại Điều 38 Điều lệ Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật;

Chỉ thị số 07/2002/CT-TTg ngày 25/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý việc sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất trong sản xuất kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật

Công điện số 420/CP-NN ngày 19/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành tăng cường việc quản lý, kiểm tra chặt chẽ chất lượng các loại thuốc kháng sinh, hóa chất, thức ăn nhập khẩu dùng trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc gia cầm.

Căn cứ Quyết định số 389/NN-TY/QĐ ngày 15 tháng 4 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) Ban hành quy định về thủ tục kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Quyết định số 607 NN-TY/QĐ ngày 09 tháng 6 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) về việc Ban hành danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, danh mục bệnh phải kiểm dịch, danh mục chất độc hại phải kiểm tra;

Căn cứ Quyết định số 550 NN-TY/QĐ ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch đối với ong mật nuôi và sản phẩm của ong mật;

Căn cứ Quyết định số 67/1999/QĐ-BNN-TY ngày 20 tháng 4 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy

định về điều kiện và kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở chế biến, kinh doanh sản phẩm động vật;

Căn cứ Sắc lệnh 96/23/EC của Ủy ban châu Âu về mật ong xuất khẩu sang thị trường EU;

Căn cứ Quyết định số 29/2002/QĐ/BNN ngày 24 tháng 4 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cấm một số hoá chất, kháng sinh trong nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y;

Căn cứ Quyết định số 40/2002/QĐ/BNN ngày 27/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Công bố danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y hạn chế sử dụng, bao gồm 16 loại thường được sử dụng trộn vào thức ăn chăn nuôi.

Căn cứ Công văn số 133/TY-QLT ngày 17/3/2003 của Cục trưởng Cục Thú y về việc đánh giá lại hồ sơ đăng ký các loại thuốc thú y được sản xuất trong nước có chứa từ 02 hoạt chất kháng sinh trở lên. Hạn nộp hồ sơ đánh giá được chia thành 4 giai đoạn, kết thúc vào 30/10/2004.

Căn cứ Công văn số 788/TY-QLT ngày 05/12/2003 Cục trưởng Cục Thú y hướng dẫn đăng ký để được phép lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam (có cùng nội dung quy định đối với thuốc được sản xuất trong nước và thuốc nhập khẩu).

Căn cứ Công văn số 789/TY-QLT ngày 05/12/2003 của Cục trưởng Cục Thú y về việc làm lại hồ sơ đăng ký của tất cả các sản phẩm thuốc thú y có chứa hoạt chất kháng sinh đã được cấp số đăng ký để đánh giá lại.

Căn cứ Công văn số 240/TY-QLT và số 241/TY-QLT ngày 03/3/2004 Cục trưởng Cục Thú y về việc thông báo rút số đăng ký của các sản phẩm kháng sinh có công thức không hợp lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động chăn nuôi ong, thu gom, chế biến, bao gói mật ong, sữa ong chúa,...(sau đây gọi là mật ong) quy định tại Quyết định này gồm:

1. Hoạt động chăn nuôi ong để lấy mật ong của các cơ sở chăn nuôi ong tại Việt Nam.

2. Hoạt động thu gom, chế biến, bao gói mật ong của các cơ sở kinh doanh mật ong.

3. Hoạt động kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi ong, thu gom, chế biến, bao gói mật ong (sau đây gọi là cơ sở sản xuất mật ong).

4. Hoạt động kiểm tra, giám sát các chất tồn dư trong mật ong.

Điều 2. Những quy định chung

1. Các cơ sở sản xuất mật ong của các Doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện về vệ sinh thú y môi trường, nhà xưởng, dụng cụ, thiết bị, bao bì đóng gói,...

2. Các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm, bắt buộc phải kiểm tra, giám sát đối với mật ong, bao gồm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục I của Quyết định này.

3. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp kiểm tra mẫu mật ong theo quy định tại Phụ lục II của Quyết định này.

4. Phòng xét nghiệm phải có đủ năng lực, được công nhận để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm (lý hoá, nấm men, nấm mốc và các chất tồn dư) theo quy định tại Phụ lục III của Quyết định này.

5. Sử dụng thuốc thú y để phòng, trị bệnh cho ong nuôi lấy mật, phải thực hiện theo đúng các quy định tại Phụ lục IV của Quyết định này.

Điều 3. Hệ thống Thú y giám sát, quản lý hoạt động các cơ sở sản xuất mật ong

Ngành Thú y Việt Nam từ Trung ương đến địa phương phải tổ chức thực hiện việc quản lý thú y đối với hoạt động của ngành nuôi ong Việt Nam, để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn ong, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và vệ sinh môi trường.

Chương II

CHĂN NUÔI ONG, THU GOM, CHẾ BIẾN, BAO GÓI MẬT ONG

Điều 4. Doanh nghiệp sản xuất mật ong

1. Thực hiện đúng các quy định về chăn nuôi ong để lấy mật, đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y chăn nuôi ong, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng và vệ sinh môi trường theo quy định.

2. Các cơ sở sản xuất mật ong của Doanh nghiệp, phải được kiểm tra định kỳ về điều kiện vệ sinh thú y và các chất tồn dư trong mật ong theo quy định.

3. Khi phát hiện đàn ong bị mắc bệnh, phải báo ngay cho cơ quan thú y sở tại biết, để có biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

4. Nghiêm cấm việc thu hoạch mật ong từ những đàn ong bị bệnh.

Điều 5. Điều kiện xuất khẩu mật ong

1. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đăng ký, thành lập theo luật pháp Việt Nam.
2. Doanh nghiệp thuộc danh mục có cơ sở nuôi ong chuyên nghiệp.
3. Doanh nghiệp có đăng ký và được phép xuất khẩu mật ong sang thị trường EU theo quy định.
4. Mật ong xuất khẩu phải được kiểm tra vệ sinh thú y và chất tồn dư theo quy định. Lô hàng phải được kiểm dịch và cấp giấy kiểm dịch xuất khẩu.

Chương III

KIỂM TRA, THANH TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 6. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất mật ong.

1. Điều tra thu thập những thông tin cơ bản về thực trạng vệ sinh thú y thực phẩm của mật ong, bằng cách kiểm tra định kỳ hàng năm đối với mật ong.
2. Cục Thú y tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm, đột xuất về điều kiện vệ sinh thú y về môi trường, nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ, bao bì đóng gói,... đối với cơ sở sản xuất mật ong.
3. Căn cứ vào kết quả kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất mật ong và các chỉ tiêu vệ sinh thú y (lý hoá, nấm men, nấm mốc và các chất tồn dư) trong mật ong, nếu Doanh nghiệp nào đủ điều kiện thì được phép xuất khẩu.

Điều 7. Kiểm tra mẫu mật ong

1. Phương thức lấy mẫu: tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên; phương thức lấy mẫu và kiểm tra mẫu được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Quyết định này.
2. Các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm, bắt buộc phải kiểm tra theo quy định tại Phụ lục I của Quyết định này.
3. Cơ quan kiểm tra mẫu:
 - 3.1. Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y TƯ I thực hiện việc lấy mẫu, kiểm tra các chỉ tiêu về chất tồn dư theo chương trình giám sát hàng năm.
 - 3.2. Trung tâm Thú y vùng thực hiện việc lấy mẫu, kiểm tra các chỉ tiêu về lý hoá, nấm men, nấm mốc và chất tồn dư trong mật ong theo quy định, trước khi xuất khẩu.

Điều 8. Thanh tra việc thực hiện các quy định vệ sinh thú y tại các cơ sở sản xuất mật ong.

Cục Thú y tổ chức thanh tra ngẫu nhiên các cơ sở sản xuất mật ong về việc chấp hành các quy định của ngành thú y hoặc lấy mẫu mật ong để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm, bắt buộc phải kiểm tra theo quy định.

Nếu Doanh nghiệp nào vi phạm quy định, Cục Thú y phối hợp với các cơ quan có liên quan, xử lý theo quy định của Pháp lệnh Thú y.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Công ty Ong Trung ương

1. Phổ biến, hướng dẫn cho các Doanh nghiệp sản xuất mật ong biết và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quyết định này.

2. Tham gia trong việc thanh tra, kiểm tra về điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất mật ong xuất khẩu.

Điều 10. Trách nhiệm của các Chi cục Thú y

Phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở nuôi ong biết các quy định về phòng, chống dịch bệnh đối với ong mật.

Theo dõi, giám sát dịch bệnh đàn ong trên địa bàn quản lý, nếu phát hiện có dịch bệnh, phải tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn ong trên địa bàn quản lý.

Thực hiện việc kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở sản xuất mật ong và kiểm dịch ong mật nuôi, mật ong lưu chuyên theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các Doanh nghiệp sản xuất mật ong

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về điều kiện vệ sinh thú y trong sản xuất mật ong và phòng, chống dịch bệnh cho ong; nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh đàn ong, vệ sinh môi trường sinh thái và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

Phải chịu trách nhiệm hoàn toàn, nếu vi phạm các quy định của Pháp lệnh Thú y và các quy định tại Quyết định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Thú y Việt Nam

1. Cục Thú y Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra định kỳ, thanh tra các cơ sở sản xuất mật ong; tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra.

Lưu giữ hồ sơ về kết quả kiểm tra mật ong, hồ sơ được lưu giữ trong thời gian 2 năm kể từ khi có kết quả kiểm tra.

2. Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương I (thuộc Cục Thú y Việt Nam):

2.1. Tham gia việc kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất mật ong.

2.2. Chịu trách nhiệm tổ chức lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về điều kiện vệ sinh thú y môi trường cơ sở sản xuất mật ong và các chỉ tiêu về chất tồn dư (thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kim loại nặng); báo cáo kết quả kiểm tra về Cục Thú y (kèm theo hồ sơ về kiểm tra, phân tích mẫu).

3. Trung tâm Thú y vùng (thuộc Cục Thú y Việt Nam):

3.1. Hướng dẫn, giám sát các cơ sở sản xuất mật ong về điều kiện vệ sinh thú y đối với mật ong xuất khẩu.

3.2. Tham gia việc kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất mật ong.

3.3. Chịu trách nhiệm kiểm dịch mật ong xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định và báo cáo kết quả kiểm dịch từng lô hàng về Cục Thú y (kèm theo hồ sơ kiểm dịch, phân tích mẫu).

Điều 13. Xử lý mật ong không đạt tiêu chuẩn

1. Trong quá trình phân tích mẫu mật ong, nếu phát hiện thấy những chỉ tiêu vệ sinh thú y bắt buộc phải kiểm tra, vượt quá giới hạn cho phép, Cục Thú y Việt Nam tiến hành:

1.1. Thông báo ngay kết quả phân tích cho Doanh nghiệp sản xuất mật ong biết.

1.2. Yêu cầu Doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp điều chỉnh thích hợp.

2. Đình chỉ ngay việc xuất khẩu mật ong của các Doanh nghiệp vi phạm:

2.1. Tiến hành điều tra cơ sở sản xuất mật ong không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thực phẩm, trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp cần thiết để triệt tiêu các nguyên nhân trên.

2.2. Cơ sở sản xuất mật ong không đạt tiêu chuẩn, đình chỉ việc xuất khẩu mật ong cho đến tận mùa vụ thu hoạch mật ong mới. Việc xuất khẩu chỉ được tiếp tục sau khi đã xác định rõ nguyên nhân làm mật ong không đạt tiêu chuẩn.

2.3. Cơ quan thú y có thẩm quyền thanh tra trong vòng 01 năm liền đối với những cơ sở vi phạm các quy định.

Điều 14. Khiếu nại về mật ong xuất khẩu

1. Trong trường hợp khi cơ quan thú y có thẩm quyền của nước nhập khẩu, khiếu nại về việc phát hiện trong mật ong nhập khẩu, có những chỉ tiêu vượt quá giới hạn cho phép, cơ quan thú y có thẩm quyền của nước nhập khẩu phối hợp với Cục Thú y Việt Nam thực hiện tái kiểm tra mẫu mật ong và các công tác có liên quan.

Trong thời gian xem xét, Cục Thú y Việt Nam đình chỉ việc kiểm dịch mật ong xuất khẩu của các Doanh nghiệp bị khiếu nại, để điều tra xem xét việc sản xuất mật ong xuất khẩu.

2. Cục Thú y Việt Nam chỉ xem xét việc khiếu nại đối với những lô mật ong được xuất khỏi Việt Nam trong vòng 03 tháng, kể từ ngày mật ong xuất khỏi Việt Nam.

Điều 15. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 16. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mật ong chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT (báo cáo);
- Thứ trưởng Bùi Bá Bổng (báo cáo);
- Văn phòng EU tại Hà Nội;
- Văn phòng EU tại Brussel-Bỉ;
- Các TTTY vùng thuộc Cục Thú y;
- Trung tâm KTVSTYTƯ I & II;
- Công ty Ong Trung ương;
- Các Doanh nghiệp SX, KD mật ong;
- Lưu HCTH, KD.

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Đã ký

TS. Bùi Quang Anh

Phụ lục I

Quy định các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm bắt buộc phải kiểm tra và giám sát đối với mật ong

1. Danh mục các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm và các chất tồn dư bắt buộc phải đối với mật ong bao gồm:

1.1. Chỉ tiêu về lý hoá (hàm lượng nước, chỉ số Saccaroza, HMF, ...)

1.2. Chỉ tiêu về nấm, men

- Nấm men
- Nấm mốc

1.3. Chỉ tiêu về thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng.

Hàm lượng các chất cho phép đối với các chỉ tiêu phải kiểm tra chứa trong mật ong theo quy định tại bảng kèm theo phụ lục I này.

Phụ lục II

Quy định về phương pháp lấy mẫu, kiểm tra mẫu và trả lời kết quả xét nghiệm mật ong

1. Phương thức lấy mẫu:

1.1. Lấy mẫu ngẫu nhiên trong từng lô hàng xuất khẩu (do Trung tâm Thú y vùng thực hiện):

- Phương pháp lấy mẫu theo tiêu chuẩn lấy mẫu của chất lỏng.

- Tỷ lệ lấy mẫu mật ong kiểm tra được thực hiện như sau:

+ Nếu lô hàng mật có khối lượng từ 3000 tấn trở lên thì trong 300 tấn đầu tiên phải lấy 10 mẫu để kiểm tra, các lô tiếp theo thì cứ 300 tấn chỉ cần lấy một mẫu kiểm tra.

+ Nếu lô hàng mật có khối lượng từ 100 tấn trở lên thì trong 100 tấn đầu tiên phải lấy 04 mẫu để kiểm tra, các lô tiếp theo thì cứ 100 tấn lấy 03 mẫu kiểm tra.

+ Nếu lô hàng mật có khối lượng dưới 100 tấn thì trong 50 tấn đầu tiên phải lấy 03 mẫu kiểm tra, các lô hàng tiếp theo thì cứ 20 tấn lấy 01 mẫu kiểm tra.

+ Trường hợp không đủ một lô hàng (không đủ 20 tấn mật) thì lấy 5 kg mật để kiểm tra (lấy thành 3 mẫu để kiểm tra).

1.2. Lấy mẫu mật ong để kiểm tra định kỳ (do Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương I thực hiện):

- Lấy mẫu ngẫu nhiên

+ Mỗi cơ sở chăn nuôi ong lấy mật, lấy 01 mẫu

+ Mỗi cơ sở thu gom mật ong, lấy 03 mẫu.

+ Mỗi cơ sở chế biến, bao gói mật ong, lấy 01 mẫu.

- Thời gian lấy mẫu: mỗi năm lấy mẫu 2 lần, vào tháng 3-4 và tháng 6-8.

2. **Khối lượng lấy mẫu:** khối lượng mỗi mẫu là 04 kg (dùng để xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm và lưu mẫu).

3. Phương pháp kiểm tra mẫu.

3.1. **Kiểm tra lý hoá:** theo phương pháp chuẩn độ hoá học

3.2. **Kiểm tra nấm men, nấm mốc:** nuôi cấy môi trường, girome định sinh học.

3.3. **Kiểm tra cặn chất tồn dư:** phương pháp phân tích theo quy định tại Phụ lục I của Quyết định này.

4. **Thời gian trả lời kết quả xét nghiệm mẫu:**

Kết quả xét nghiệm mẫu được trả lời trong vòng 10 ngày.

Phu lục III
**Quy định về tiêu chuẩn phòng xét nghiệm để
kiểm tra mẫu mật ong**

Phòng xét nghiệm để kiểm tra mẫu mật ong phải là phòng thí nghiệm có đủ lực lượng cán bộ nhân viên, có trình độ chuyên môn và đủ trang thiết bị cần thiết để xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y thực phẩm đối với mật ong theo các quy định của Quyết định này: bao gồm các trang thiết bị để xét nghiệm về lý hoá, nấm men, nấm mốc, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng.

Danh sách các Đơn vị xét nghiệm mẫu mật ong:

STT	Tên Đơn vị	Địa chỉ
1	Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y TU I	28, Ngõ 78, Phương Mai, Đống Đa, TP Hà Nội
2	Trung tâm Thú y vùng TP Hồ Chí Minh	124-126 Phạm Thế Hiển, Quận 8, TP Hồ Chí Minh
3	Trung tâm Thú y vùng Cần Thơ	Đường Cách Mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
4	Trung tâm Thú y vùng Đà Nẵng	Số 14 - Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng
5	Trung tâm Thú y vùng Vinh	Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6	Trung tâm Thú y vùng Hà Nội	63 B, Phương Mai, Đống Đa, TP Hà Nội
7	Trung tâm Thú y vùng Hải Phòng	Số 23 phố Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền Thành phố Hải Phòng
8	Viện Hoá học - Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, TP Hà Nội
9	Cục Bảo vệ thực vật-Bộ Nông nghiệp và PTNT	149 Hồ Đắc Di, Đống Đa, TP Hà Nội
10	Trường Đại học quốc gia Hà Nội	144 Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, TP Hà Nội
11	Viện Dinh dưỡng-Bộ Y tế	48 Tăng Bạt Hổ, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
12	Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn và thú y thủy sản-Bộ Thủy sản	10-12 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, TP Hà Nội

Phu lục IV
**Quy định về việc sử dụng thuốc thú y để phòng,
trị bệnh cho ong nuôi lấy mật**

1. Các cơ sở chăn nuôi ong, khi sử dụng thuốc thú y, phải theo đơn thuốc của bác sĩ thú y hoặc kỹ thuật viên thú y có giấy phép hành nghề, được Cục Thú y Việt Nam cấp giấy phép.

2. Chỉ được phép sử dụng các loại thuốc thú y sản xuất tại các cơ sở sản xuất thuốc thú y đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc - GMP”, được Cục Thú y cấp giấy phép sản xuất các loại thuốc để phòng, trị bệnh cho ong nuôi lấy mật.

3. Cục Thú y Việt Nam chỉ cho phép các cơ sở chăn nuôi ong sử dụng các loại thuốc thú y theo hướng dẫn của nơi sản xuất, để phòng, trị bệnh cho ong nuôi lấy mật.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng các loại thuốc thú y đã bị cấm sử dụng để phòng, trị bệnh cho ong nuôi lấy mật